

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1760~~/BVK-CNTT
V/v báo giá thiết bị công nghệ
thông tin

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh cung cấp thiết bị CNTT

Hiện nay, Bệnh viện K đang thực hiện lập kế hoạch mua sắm thiết bị CNTT phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh theo kế hoạch mua sắm năm 2024 của Bệnh viện K, danh mục và cấu hình kỹ thuật được nêu trong Phụ lục đính kèm Công văn này.

Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp thiết bị gửi báo giá về Bệnh viện K để Bệnh viện có cơ sở tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Kính đề nghị Quý đơn vị gửi báo giá theo Phụ lục đính kèm về Bệnh viện K (Địa chỉ: số 30 Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội) trước 17h ngày 03.../.../2024.

Thông tin chi tiết liên hệ: Ks. Trần Hữu Tuấn, phòng Công nghệ thông tin – Bệnh viện K (SĐT: 0913.337.599)

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐTBVK;
- Lưu: VT, CNTT. *vt*

GIÁM ĐỐC *GL*
BỆNH VIỆN K
Lê Văn Quảng

Phụ lục I
MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Công văn số 700/BVK-CNTT, ngày 24 tháng 5 năm 2024)

Tên Công ty:

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Bệnh viện K

Chúng tôi: Tên Công ty, địa chỉ....., chúng tôi gửi đến quý Bệnh viện bản chào giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Máy tính để bàn				Bộ	150			
2	Máy in đen trắng				Chiếc	150			
3	Máy in nhiệt				Chiếc	15			
4	Máy in Barcode				Chiếc	15			
5	Máy quét Barcode				Chiếc	30			

Ghi chú

* Đơn giá đã bao gồm các loại thuế VAT, thuế bảo vệ môi trường (nếu có), chi phí vận chuyển, giao nhận và các chi phí khác có liên quan.

* Báo giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày kể từ ngày báo giá.

* Đơn vị báo giá cam kết đáp ứng các điều kiện và năng lực tham gia đấu thầu theo quy định pháp luật đấu thầu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

(ký đóng dấu)

.....

Phụ lục II
YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Công văn số ~~760~~ / BVK-CNTT, ngày 24 tháng 5 năm 2024)

1. Hàng hóa chào giá có yêu cầu về cấu hình kỹ thuật như bảng sau:

ST T	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính
1	Máy tính để bàn	Máy tính đồng bộ chính hãng sản xuất (case, màn hình, bàn phím, chuột) có các yêu cầu kỹ thuật như sau: - Bộ vi xử lý (Processor): Intel Core i3 thế hệ 13 (13th Generation) hoặc tương đương - Bo mạch chủ (Mainboard): Sử dụng chipset Intel H610 hoặc tương đương. - Card đồ họa (Video Card): Intel® UHD hoặc tương đương - Bộ nhớ trong (RAM): tối thiểu 8GB DDR4, hỗ trợ tối đa 64GB (tối thiểu 2 khe cắm) - Ổ cứng (HDD): Tối thiểu 500GB SSD - Cổng kết nối: Hỗ trợ tối thiểu số lượng các cổng kết nối sau: + 01 LAN 1Gbps + 04 USB 3.2 + 04 USB 2.0 + 01 Display + 01 HDMI + 01 Headphone + 01 Microphone - Bảo mật: Hỗ trợ công cụ bảo vệ BIOS với một trong các tính năng sau: + Tích hợp sẵn TPM v2.0 (Trusted Platform Module) + Xác thực với thông tin BIOS lưu lại tại nhà sản xuất: lưu lại thông tin về BIOS (phần mềm có thể tải về từ website của hãng sản xuất và tải liệu chứng minh không cần cài đặt sẵn) hoặc sử dụng danh sách các Key để xác thực, hỗ trợ chống lại các cuộc tấn công DMA (Direc Memory Access) - Nguồn máy tính: Công suất tối thiểu 180W. Hiệu điện thế 220-240V. Sản phẩm đồng bộ cùng thương hiệu với hãng sản xuất máy tính. - Hệ điều hành: Window 11 bản quyền - Màn hình (Monitor) (cùng thương hiệu với máy tính): Yêu cầu đáp ứng tối thiểu thông số sau: + Kích thước (display size) tối thiểu 21 inch LED + Màn hình LCD/LED trang bị tấm nền IPS cho góc nhìn 178 độ cả dọc và ngang.	Bộ

		+ Có tính năng chống chói mắt và tránh hại mắt cho người dùng - Chuột (Mouse) + Bàn phím (Keyboard): kết nối cổng USB (cùng thương hiệu với máy tính). - Linh phụ kiện: Sách hướng dẫn (User guide), dây nguồn, dây kết nối tín hiệu HDMI.	
2	Máy in đen trắng	- Công nghệ in: Laser - Tốc độ in (Print Speed): Tốc độ in (Print Speed): Lên đến 38 trang/phút (mặc định); Lên đến 40 trang/phút (chế độ tốc độ cao) - In hai mặt (Duplex): Có sẵn - Độ phân giải (Print Resolution): Tối đa 1200 x 1200 dpi - Xử lý giấy (Paper Handling) + Khay nạp giấy tiêu chuẩn (Standard): Tối thiểu 250 tờ + Khay tay (Multi-Purpose Tray): Tối thiểu 100 tờ + Khay giấy ra (Paper Output): Tối thiểu 150 tờ úp mặt + Khổ giấy (Paper Sizes): Tối thiểu hỗ trợ các khổ giấy A4, A5, A6 - Khả năng kết nối và phần mềm (Connectivity and Software) + Kết nối: cổng USB 2.0, kết nối mạng - Yêu cầu chung + Bộ nhớ (Device Memory): Tối thiểu 1GB + Tốc độ xử lý: Tối thiểu 800 MHz + Hộp mực (Toner Cartridge): * Sử dụng hộp mực có khả năng in tối đa 3.000 trang A4 + Bảng điều khiển: Màn hình điều khiển màu đa sắc và có phím điều khiển chức năng + Công suất nguồn: tối đa 531 W (khi in), tối đa 8,1 W (sẵn sàng), tối đa 1,2 W (ngủ) - Phụ kiện: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất	Chiếc
3	Máy in nhiệt	- Phương thức in (Print method): In nhiệt - Tự động cắt giấy: Có - Tốc độ in (Print speed): tối thiểu 250 mm/s - Khổ giấy: 80 mm - Cổng kết nối: USB - Độ phân giải: tối thiểu 203 dpi - Độ bền đầu in: tối thiểu 150km - Hỗ trợ hệ điều hành: Windows, MacOSX - Phụ kiện: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất	Chiếc

4	Máy in Barcode	-Phương pháp in: Truyền nhiệt hoặc Nhiệt trực tiếp -Tốc độ in: tối đa 5 ips (127 mm/sec) -Độ phân giải: tối thiểu 300dpi -Khổ in: Tối đa tên tới 105.7 mm -Độ dài nhãn in: Tối đa lên tới 1,000 mm -Cảm biến: Transmissive, Reflective (Adjustable), Ribbon-End, Head open -Bộ nhớ: Tối thiểu 64 MB SDRAM, 128 MB Flash -Cổng kết nối: Chuẩn: USB + Serial + Parallel, Tùy chọn: USB + Serial + Ethernet + WLAN -Fonts: 10 SLCS Resident Bitmap Fonts, One SLCS Resident Scalable Font, 16 BPL-Z™ Resident Bitmap Fonts, One BPL-Z™ Resident Scalable Font, 5 BPL-E™ Resident Bitmap Fonts, 23 Code Page, Unicode supported (UTF-8, UTF-16LE, UTF-16BE) -Graphics: Supporting user-defined fonts, graphics, formats, and logos -Barcode Symbologies: 1D: Codabar, Code 11, Code 39, Code 93, Code 128, EAN-13, EAN-8, Industrial 2-of-5, Interleaved 2-of-5, Logmars, MSI, Plessey, Postnet, GS1 DataBar (RSS-14), Standard 2-of-5, UPC / EAN extensions, UPC-A, UPC-E, IMB -2D: Aztec, Codablock, Code 49, Data Matrix, MaxiCode, MicroPDF417, PDF417, QR code, TLC 39 -Phụ kiện: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất	Chiếc
5	Máy quét Barcode	-Loại đầu quét: 2D -Giao tiếp: USB -Khoảng cách Giải mã: + Code 128: 5 mil : Từ 0 cm Đến 5.1 cm, + Code 39: 20 mil: Từ 0 cm Đến 27.9 cms, + Code 39: 3 mil : Từ 0 cm Đến 6.35 cm, + Code 39: 5 mil : Từ 0 cm Đến 12.7 cm, + DataMatrix: 10 mil: Từ 0 cm Đến 11.4 cm, + PDF 417: 6.7 mil: Từ 0 cm Đến 10.2 cm, + QR: 20 mil: Từ 0 cm Đến 19.1 cm, + UPC: 13 mil (100%): Từ 0 cm Đến 22.4 cm -Cảm biến hình ảnh: tối thiểu 1280 x 800 pixels -Dung sai cao độ: +/-60° -Dung sai cuộn: 360° -Dung sai xiên: +/-60° -Góc nhận diện Ảnh: 52° H x 33° V nominal	Chiếc

	- Hỗ trợ Quét định dạng hình ảnh Giải mã hình ảnh bitmap, JPEG hoặc TIFF - Mã vạch 1D: Base 32 (Italian Pharma), Codabar/NW7, Code 11, Code 128, Code 39, Code 93, GS1 DataBar, I 2 of 5, Korean 3 of 5, MSI Plessey, UPC/EAN - Mã vạch 2D: PDF417, Micro PDF417, Composite Codes, TLC-39, - Aztec, DataMatrix, MaxiCode, QR Code, Micro QR, Han Xin, Postal Codes, securPharm, DotCode, Dotted DataMatrix - Độ phân giải tối thiểu: Code 39: 3 mil; Code 128: 3 mil; Data Matrix: 5 mil; QR Code: 5 mil - Độ tương phản in tối thiểu (Minimum Print Contrast): 15% - Phụ kiện: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất	
--	---	--

2. Các yêu cầu khác:

- Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất từ năm 2023 trở về sau;
- Hàng hóa được lắp đặt, bàn giao và nghiệm thu tại nơi sử dụng;
- Hàng hóa được bảo hành tại nơi sử dụng;
- Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng;
- Đối với hàng hóa nhập khẩu: phải có giấy chứng nhận C/O của đơn vị nhập khẩu, C/Q của hãng sản xuất bản gốc hoặc bản sao chứng thực;
- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: phải có C/Q hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước;.